TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 22/2024/QĐST-DS	*Đông Triều, ngày 23 tháng 4 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ

Căn cứ vào các điều 48, 157, 217, 218, 219 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm;

Xét thấy người khởi kiện rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 19/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2024 về "tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" giữa:

* Nguyên đơn bà Phạm Thị Đ, nơi thường trú thôn D, xã Y, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; nơi tạm trú tổ D, khu E, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

* Bị đơn bà Phạm Thị V và ông Nguyễn Văn C, cùng nơi thường trú thôn I, xã N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

* Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Phạm Thị X, nơi thường trú khu C, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

2/ Bà Phạm Thị Đ1, nơi thường trú số nhà C, Phố L, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh.

3/ Bà Phạm Thị M, nơi thường trú thôn Đ, xã T, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

4/ Bà Phạm Thị Đ2, nơi thường trú thôn I, xã N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

5/ Bà Phạm Thị Q, nơi thường trú tổ A, khu D, phường Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

6/ Ông Nguyễn Xuân H, nơi thường trú tổ A, khu D, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

7/ Ông Nguyễn Văn N, nơi thường trú đường N, xã B, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

8/ Ông Nguyễn Văn N1, nơi thường trú thôn D, xã N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

9/ Bà Nguyễn Thị N2, nơi thường trú thôn A, xã T, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

10/ Ông Nguyễn Văn H1, nơi thường trú khu C, phường B, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

11/ Ông Nguyễn Văn T, nơi thường trú khu C, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

12/ Bà Nguyễn Thị P, nơi thường trú khu C, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

13/ Bà Nguyễn Thị T1, nơi thường trú khu C, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.
14/ Bà Nguyễn Thị H2, nơi thường trú khu C, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.
15/ Bà Nguyễn Thị H3, nơi thường trú khu C, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.
16/ Ông Nguyễn Văn H4, nơi thường trú tổ A, ấp C, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh.
17/ Bà Nguyễn Thị M1, nơi thường trú tổ A, ấp C, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh.
18/ Ông Phạm Văn B, nơi thường trú thôn I, xã N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.
19/ Bà Phạm Thị U, nơi thường trú thôn I, xã N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.
20/ Bà Phạm Thị B1, nơi thường trú thôn G, xã N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.
21/ Ông Nguyễn Khắc T2, nơi thường trú thôn T, xã V, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.
22/ Ủy ban nhân dân xã N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; địa chỉ xã N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.
23/ Ủy ban nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; địa chỉ phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án: bà Phạm Thị Đ được quyền khởi kiện lại vụ án trên.

3. Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều;
- Chi cục Thi hành án dân sự Đông Triều;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Mạnh Cường

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 45-DS:

(1) Ghi tên Toà án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự; nếu Toà án ra quyết định là Toà án nhân dân cấp huyện cần ghi rõ tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Thanh Hoá). Nếu Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh, (thành phố) nào (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: số 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi cụ thể lý do của việc đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thuộc trường hợp nào quy định tại Điều 217 hoặc các điều luật khác của Bộ luật tố tụng dân sự (ví dụ: xét thấy nguyên đơn là cá nhân đã chết mà quyền, nghĩa vụ của họ không được thừa kế quy định tại điểm a khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự).

(4) Ghi số, ngày tháng năm thụ lý vụ án (ví dụ: số 50/2017/TLST-KDTM).

(5) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: "tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân").

(6), (7) và (8) Nếu nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cá nhân, thì ghi họ tên và địa chỉ của cá nhân đó; nếu là cơ quan, tổ chức, thì ghi tên, địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó (ghi theo đơn khởi kiện).

(9) Tuỳ vào từng trường hợp đình chỉ vụ án cụ thể mà ghi hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án quy định tại Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự, (kể cả về tiền tạm ứng án phí).

(10) Tùy từng trường hợp cụ thể mà ghi tên cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện (nếu có).